



Khả năng sản xuất của các giống gà Sasso và Tetra H nuôi tại Trung tâm nghiên cứu Ong và Thủy cầm

Ngô Thị Kim Cúc, Ninh Thị Huyền, Ngô Thị Lệ Quyên, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Vũ Chí Thiện, Phạm Văn Sơn, Phạm Thị Nguyệt Mai và Hoàng Thị Nguyệt

Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sản xuất, năng suất sinh trưởng và sinh sản của hai giống gà nhập nội Sasso (Pháp) và Tetra H (Hungary) nuôi tại Trạm thực nghiệm Liên Ninh, Trung tâm nghiên cứu Ong và Thủy cầm, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam. Nghiên cứu nằm trong khuôn khổ dự án: Lợi ích nguồn gen gà Châu Á (AsCGG) nhằm lựa chọn và thử nghiệm các giống gà kiêm dụng có các đặc điểm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước, năng suất cao và khả năng thích nghi với điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam. Thử nghiệm được tiến hành trên 400 gà/giống, chia thành 4 lần lặp lại (100 con/lặp lại) trong giai đoạn từ 1 - 20 tuần tuổi, sau 20 tuần tuổi gà mái được lựa chọn đưa lên chuồng nuôi cá thể để đánh giá khả năng sinh sản. Kết quả cho thấy hai giống gà này có khả năng thích nghi cao trong điều kiện chăn nuôi Việt Nam, thể hiện qua tỷ lệ nuôi sống cao, giai đoạn 0-8 tuần tuổi đạt 98,22 và 97,58%. Khối lượng gà trống và gà mái giống Sasso tại thời điểm 8 tuần tuổi là 831,0 và 780,4 g; 20 tuần tuổi đạt 2017,4 g và 1690,9 g; Giống Tetra H đạt tương ứng 1007,8 và 944,6 g tại 8 tuần tuổi; 2154,5 g và 1877 g tại thời điểm 20 tuần tuổi. Giống gà Sasso đạt tỷ lệ đẻ 5% tại thời điểm 22 tuần tuổi trong khi giống Tetra H tại 24 tuần tuổi. Năng suất trứng đến thời điểm 72 tuần tuổi của hai giống Sasso và Tetra H đạt 255,98 và 222,84 quả/mái tương ứng với tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng đạt lần lượt 1,78 và 1,92 kg. Từ kết quả trên cho thấy hai giống gà nhập nội có năng suất cao, phù hợp nuôi trong điều kiện Việt Nam và có tiềm năng sử dụng trong chương trình cải tiến giống gia cầm ở Việt Nam.

Từ khóa: Tetra H, Sasso, khả năng sinh trưởng, khả năng sinh sản

Đặt vấn đề

Chăn nuôi gia cầm là một trong những ngành sản xuất quan trọng của nông nghiệp Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh lương thực của đất nước. Đặc biệt chăn nuôi gia cầm tạo thu nhập cho hàng triệu hộ nông dân, tạo việc làm cho lao động nông thôn, tham gia vào chuỗi giá trị thực phẩm, xuất khẩu sang các thị trường quốc tế. Theo số liệu của Cục chăn nuôi và Thú Y với tổng đàn gia cầm ước tính 584,9 triệu con vào năm 2024 và với sản lượng thịt gia cầm là 2.457,6 tấn và sản lượng trứng là 20,2 tỷ quả (Tổng cục thống kê, 2025). Khoảng 60% tổng số gà trong nước là các giống gà bản địa (Cục Chăn nuôi, 2023).

Mặc dù các giống gà bản địa được đánh giá cao về khả năng chống chịu với các điều kiện môi trường và thịt có hương vị thơm ngon, màu sắc vỏ trứng được ưa chuộng nhưng chúng thường có tốc độ tăng trưởng chậm và năng suất trứng thấp. Các nghiên cứu gần đây đã tập trung vào việc tạo ra các giống lai kết hợp giữa các giống gà trong nước và nhập khẩu có năng suất cao, nhằm tăng cả sản lượng thịt và trứng của các giống gà nội.

Gà Sasso và Tetra H là hai giống gà kiêm dụng lông màu có màu lông tương tự như các giống gà nội Việt Nam được nhập từ công ty Hendrix Genetics, Pháp và công ty Babilna Tetra, Hungary về Việt Nam năm 2024. Gà Sasso là

giống gà lông màu, chất lượng thịt cao, được công ty Sasso (thuộc Hendrix Genetics) phát triển, đặc trưng với lông nâu đỏ/vàng, da và chân vàng. Giống này nổi tiếng nhờ sức đề kháng tốt, dễ nuôi, thích nghi cao với khí hậu nhiệt đới, phù hợp nuôi bán chăn thả. Khối lượng cơ thể lúc 70 ngày tuổi đạt 1296 g, con mái lúc 24 tuần đạt 1737 g, Tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi đạt 97,5%. Năng suất trứng lúc 66 tuần tuổi đạt 247 quả (Hendrix Genetic). Gà Tetra-H, do công ty Babilna Tetra (Hungary) phát triển, là giống gà có năng suất cao, nổi bật với khả năng phát triển nhanh và thích nghi tốt trong điều kiện chăn nuôi nông hộ, tỷ lệ sống cao, tiêu tốn thức ăn hợp lý và khả năng đẻ trứng ổn định, thích hợp nuôi thịt hoặc lấy trứng. Khối lượng cơ thể lúc 20 tuần tuổi con trống đạt 2,0 - 2,2 kg, con mái 1,5 - 1,8 kg. Tỷ lệ nuôi sống đến 10 tuần tuổi đạt 97 - 98%. Năng suất trứng lúc 1 năm đẻ đạt 230 -250 quả (Babolna Tetra).

Trong khuôn khổ dự án: Lợi ích nguồn gen gà Châu Á (AsCGG) nhằm lựa chọn và thử nghiệm các giống gà kiêm dụng có các đặc điểm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước, năng suất cao và khả năng thích nghi với điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam. Hai giống gà này có thể được lựa chọn đánh giá thị hiếu của người dân, đồng thời có thể sử dụng làm nguồn di truyền lai trong chiến lược cải tiến di truyền các giống gà nội sử dụng nguồn gen gà ngoại nhập có năng suất cao. Do vậy nghiên cứu về khả năng sản xuất của hai giống gà này là cần thiết. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng thích nghi, năng suất sinh trưởng, năng suất sinh sản của hai giống gà kiêm dụng thương phẩm Sasso và Tetra H nuôi tại Trạm thực nghiệm Liên Ninh, Trung tâm nghiên cứu Ong và Thủy cầm, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.

Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu

Hai giống gà nhập nội được tiến hành khảo sát, đánh giá khả năng sản xuất bao gồm:

Giống Sasso: Nhập từ công ty Hendrix Genetics, Pháp

Giống Tetra H: Nhập từ công ty Babilna Tetra, Hungary.

Tổng số 1440 trứng/giống được nhập về và ấp nở tại Trạm thực nghiệm Liên Ninh.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: được tiến hành từ tháng 7/2023 đến tháng 11/2024.

Địa điểm nghiên cứu: Trạm thực nghiệm Liên Ninh, Trung tâm nghiên cứu Ong và Thủy cầm, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Sasso và Tetra H.

Đánh giá khả năng sinh sản của gà Sasso và Tetra H.

Phương pháp nghiên cứu

Gà được nuôi trong điều kiện chuồng hở có bạt che và hệ thống phun nước trên mái để điều tiết nhiệt độ khi thời tiết thay đổi. Thành phần dinh dưỡng của các loại thức ăn được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thành phần dinh dưỡng của các loại thức ăn cho gà thí nghiệm

Chỉ tiêu	Gà con	Hậu bị	gà đẻ
ME (Kcal/kg)	2950	2660	2750
Protein (%)	18	14,5	16
Canxi (%)	1,0	1,0	3,5
Photpho (%)	0,75	0,70	0,75

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Sasso và Tetra H

Giai đoạn 1 - 20 tuần tuổi, gà được nuôi chuồng nền. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ngẫu nhiên hoàn toàn với 400 con mỗi giống, chia vào 4 ô chuồng, mỗi ô là một lần lặp lại. Giai đoạn 1 - 8 tuần tuổi, mỗi ô chuồng cân ngẫu nhiên 50 con tương đương mỗi giống cân 200 con. Giai đoạn 9-20 tuần tuổi, tiến hành chọn lọc gà vào nuôi hậu bị theo tiêu chí về ngoại hình và khối lượng theo tiêu chuẩn giống mà nhà sản xuất cung cấp. Trong giai đoạn này cân 20 gà mái và 10 gà trống/ô chuồng, tương đương với 80 gà

mái và 40 gà trống cho mỗi giống. Gà được cân khối lượng 2 tuần/lần.

Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Tỷ lệ nuôi sống; khối lượng cơ thể gà qua các tuần tuổi; tăng khối lượng bình quân (g/con/ngày), thức ăn tiêu thụ (g/con/ngày) và tiêu tốn thức ăn.

Các chỉ tiêu theo dõi được xác định theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13474-1:2022.

Đánh giá khả năng sinh sản của gà Sasso và Tetra

Sau 20 tuần tuổi, mỗi giống gà chọn lọc 160 gà mái hậu bị đạt tiêu chuẩn để lên tiếp tục nuôi sinh sản. Trong giai đoạn này gà được nuôi cá thể trên chuồng lồng. Tiêu chí chọn gà lên nuôi sinh sản như sau: Chọn những cá thể nhanh nhẹn, mắt sáng, mỏ tích đỏ tươi/mềm, lông mượt, xương chậu mở rộng, đạt trọng lượng trung bình giống (giống Sasso từ 1,6 - 1,8kg; giống Tetra H từ 1,8 - 2,0 kg)

Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Tuổi đẻ qua trứng đầu tiên, 5%; 30%; 50%, tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng qua các tuần tuổi. Khối lượng gà và trứng được xác định tại các thời điểm tỷ lệ đẻ đạt 5%; 30%; 50%, 38 tuần tuổi và 70 tuần tuổi. Các chỉ tiêu theo dõi được xác định theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13474-1:2022.

Tại thời điểm 38 tuần tuổi, trứng sẽ được thu và tiến hành khảo sát trứng với số lượng 30 quả/giống. Phương pháp khảo sát trứng theo Bùi Hữu Đoàn (2011).

Xử lý số liệu

Số liệu được thu thập, tính toán và xử lý theo phương pháp thống kê mô tả sử dụng phần mềm Excel.

Kết quả và thảo luận

Khả năng sinh trưởng của hai giống gà Sasso và Tetra H

Kết quả ấp nở của giống gà Sasso và Tetra H được trình bày ở Bảng 2. Kết quả cho thấy mặc dù vận chuyển đường xa trong điều kiện thời tiết nắng nóng, kết quả ấp nở của hai giống gà nhập tương đối cao. Tỷ lệ trứng có phôi và tỷ lệ nở đạt 86,48 - 90,49%; 77,56 - 80,0% tương ứng cho giống Sasso và Tetra H. So với các giống gà nội và gà lai thương phẩm trong các nghiên cứu gần đây, kết quả ấp nở của hai giống nhập này có kết quả tốt hơn. Trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Duy và cs. (2020a) cho thấy tỷ lệ nở trên tổng trứng vào ấp của gà lai Đông Tảo × Lương Phượng đạt từ 66,11 đến 67,16%, tương tự như vậy kết quả ấp nở của giống gà Tàu Vàng trong nghiên cứu của Đỗ Võ Anh Khoa (2013) cũng chỉ đạt từ 59,09 đến 65,25%; gà Bang Trới trong nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh (2020) đạt trung bình 76,43 quả 5 lứa ấp.

Bảng 2. Kết quả ấp nở của hai giống gà Sasso và Tetra H

Giống	Tổng trứng nhập	Tổng số trứng vào ấp	Trứng có phôi	Tổng nở	Gà loại 1	Gà loại 2	Tỷ lệ trứng có phôi	Tỷ lệ nở	Tỷ lệ gà loại 1	Tỷ lệ gà loại 2
Tetra H	1440	1440	1303	1152	910	242	90,49	80,00	63,19	16,81
Sasso	1440	1435	1241	1113	893	220	86,48	77,56	62,23	15,33

Tỷ lệ nuôi sống của hai giống gà được trình bày trong Bảng 3. Kết quả cho thấy, mặc dù là hai giống gà lần đầu tiên được nhập về nuôi trong điều kiện tại Việt Nam, tuy nhiên tỷ lệ nuôi sống của các giống gà này đạt khá cao khi tỷ lệ

nuôi sống đến 8 tuần tuổi đạt 98,22 và 96,78% tương ứng với giống Sasso và Tetra H. Có được kết quả này do hai giống này được chọn lọc để thích ứng với điều kiện chăn thả trong môi trường khí hậu nhiệt đới.

Bảng 3. Tỷ lệ nuôi sống hai giống gà Sasso và Tetra H

Tuần tuổi	Sasso		Tetra H	
	n	%	n	%
1	4	99,36	4	98,85
2	4	98,98	4	98,60
3	4	98,98	4	98,47
4	4	98,98	4	98,22
5	4	98,85	4	98,09
6	4	98,22	4	97,58
7	4	98,22	4	97,58
8	4	98,22	4	97,58
10	4	98,22	4	96,78
12	4	97,82	4	96,78
14	4	97,40	4	96,78
16	4	96,60	4	96,39
18	4	96,60	4	96,39
20	4	96,60	4	95,99

Khối lượng cơ thể gà qua các tuần tuổi được thể hiện trong Bảng 4. Khối lượng gà Sasso 1 ngày tuổi đạt 42,7 g, gà Tetra H đạt 44,3 g. Tại thời điểm 8 tuần tuổi, khối lượng gà trống và gà mái giống Sasso đạt 831 và 780 g; giống Tetra H đạt cao hơn với 1007,8 và 944,6 g tương ứng. Theo đó tăng khối lượng bình quân (g/con/ngày) cho giai đoạn 1-8 tuần tuổi của hai giống đạt tương ứng 13,62 và 16,64 g/con/

ngày. Giai đoạn 9-20 tuần tuổi, gà được ăn theo chế độ nuôi gà hậu bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Khối lượng gà trống và gà mái thí nghiệm tại thời điểm 20 tuần tuổi đạt 2012,08 g và 1690,9 g cho gà Sasso và 2174,25 và 1877,0 cho gà Tetra H. Tính trung bình cho cả giai đoạn 1-20 tuần tuổi, tăng khối lượng bình quân của hai giống gà đạt tương ứng 12,92 và 14,15 g/con/ngày.

Bảng 4. Khối lượng cơ thể gà Sasso và Tetra H qua các tuần tuổi (gam)

Tuần	Giới tính	Sasso			Tetra H		
		Mean	SD	Cv (%)	Mean	SD	Cv (%)
1 ngày tuổi		42,71	3,47	8,12	44,29	4,49	10,13
1		71,59	6,50	9,08	81,78	7,45	9,11
2		136,51	17,31	12,68	160,34	21,82	13,61
3		213,99	32,47	15,17	265,03	33,44	12,62
4		302,34	43,44	14,37	367,27	51,52	14,03
5		386,98	54,78	14,16	491,79	82,23	16,72
6	Trống	615,80	42,53	6,91	751,00	60,04	7,99
	Mái	479,30	80,01	16,69	656,00	85,09	12,97
7	Trống	767,35	70,03	9,13	881,21	98,09	11,13
	Mái	645,00	88,76	13,76	798,70	104,02	13,02

Tuần	Giới tính	Sasso			Tetra H		
		Mean	SD	Cv (%)	Mean	SD	Cv (%)
8	Trống	831,00	78,28	9,42	1007,80	101,93	10,11
	Mái	780,40	82,08	10,52	944,60	104,20	11,03
10	Trống	1115,00	79,36	7,12	1317,00	131,04	9,95
	Mái	856,38	96,43	11,26	999,24	116,04	11,61
12	Trống	1274,69	100,55	7,89	1428,82	164,48	11,51
	Mái	1075,75	87,93	8,17	1212,50	98,19	8,10
14	Trống	1528,00	125,83	8,24	1666,28	190,01	11,40
	Mái	1238,63	96,94	7,83	1340,24	110,86	8,27
16	Trống	1737,93	202,70	11,66	1852,44	189,94	10,25
	Mái	1455,88	124,33	8,54	1548,25	136,95	8,85
18	Trống	1906,25	167,85	8,81	2063,53	199,18	9,65
	Mái	1563,67	109,99	7,03	1693,75	134,30	7,93
20	Trống	2012,08	144,31	7,17	2174,25	168,34	7,74
	Mái	1690,88	161,30	9,54	1877,00	106,60	5,68

So sánh khả năng sinh trưởng của hai giống gà nhập cho thấy gà Tetra H và Sasso có tốc độ sinh trưởng cao. Khi so sánh với các giống gà kiêm dụng thương phẩm nuôi tại Việt Nam, hai giống gà nhập cho thấy khả năng sinh trưởng tương đương. Khối lượng cơ thể gà Đông Tảo (3/4) lai Lương Phượng (1/4) trong điều kiện chăn nuôi có kiểm soát tại thời điểm 8 tuần tuổi trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Duy và cs. (2020b) đạt 830,3 và 702,4 cho gà trống và gà mái. Dương Thu Hương và cs. (2024) kết luận rằng gà Vạn Linh tại thời điểm 8 tuần tuổi có khối lượng cơ thể đạt 1037,7 và 875,6 g tương ứng cho gà trống và gà mái. Khi so sánh khả năng sinh trưởng của một số giống gà nội, hai giống gà nhập cho thấy năng suất cao hơn. Gà nhiều ngón trong nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2021a) cho khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi đạt 470,4 - 481,8 g/con. Gà Cây Cùm 8 tuần tuổi đạt khối lượng 422 g (Nguyễn Thị Phương và cs., 2024). Gà Móng là giống gà nội có khối lượng cơ thể lớn và chất lượng thịt thơm ngon do vậy thường được theo hướng lấy thịt. Trong nghiên cứu của Phạm Văn Sơn và cs. (2022) kết luận khối lượng gà Móng tại thời điểm 20 tuần tuổi đạt 1983,33 g với dòng trống và 1741,33 g với dòng mái. Do vậy, hai giống nhập Sasso và Tetra H cho thấy tiềm năng sử dụng trong các công thức lai cải tiến để nâng

cao năng suất sinh trưởng của các giống gà nội ở Việt Nam.

Năng suất sinh sản của giống gà Sasso và Tetra H

Tuổi đẻ, khối lượng gà và trứng tại các thời điểm 5%; 50%, đẻ đỉnh cao được trình bày trong Bảng 5. Tuổi đẻ quả trứng đầu của gà Sasso là 20 tuần tuổi, gà Tetra H tại 22 tuần tuổi. Tuy nhiên cả hai giống đều tỷ lệ đẻ đỉnh cao tại 30 tuần tuổi. So sánh tuổi đẻ quả trứng đầu hay tuổi thành thực sinh dục của hai giống gà nhập tương đương với giống gà Ri Lạc Sơn (147 ngày), gà Lạc Thủy (137 ngày) trong nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021); Trần Thanh Vân và cs. (2015) nhưng muộn hơn so với gà Vạn Linh (114 ngày) (Dương Thu Hương và cs., 2024)

Trong giai đoạn sinh sản, khối lượng gà giống Tetra H có giá trị tuyệt đối cao hơn so với giống Sasso. Tại thời điểm đẻ 5%, gà Sasso đạt 1803 g, gà Tetra H đạt 2095 g; đến thời điểm 38 tuần tuổi khối lượng cơ thể gà Sasso và Tetra H đạt lần lượt 2044 g và 2403 g. Đến 70 tuần tuổi hai giống gà nhập đạt khối lượng từ 2349 - 2477 g, đạt khá cao so với các giống gà chuyên trứng, có lợi cho việc tiêu thụ gà mái sau khi kết thúc giai đoạn đẻ.

Bảng 5. Tuổi đẻ, khối lượng gà và trứng gà thí nghiệm

Chỉ tiêu	ĐVT	Sasso		Tetra H	
		Mean	CV (%)	Mean	CV (%)
Tuổi đẻ					
Quả trứng đầu	Tuần	20		22	
5 %	Tuần	22		24	
50%	Tuần	26		28	
Đỉnh cao	Tuần	30		30	
Khối lượng cơ thể (n=50)					
5 %	g	1803,0	8,93	2095,4	7,70
30%	g	1913,4	7,73	2209,6	8,12
50%	g	1926,6	10,17	2347,3	9,38
38tt	g	2044,4	10,94	2403,8	13,76
70tt	g	2349,3	10,83	2477,4	15,34
Khối lượng trứng (n=50)					
5 %	g	50,39	15,21	50,28	9,92
30%	g	55,24	6,67	53,97	6,62
50%	g	55,92	5,20	56,18	5,74
38tt	g	60,27	7,82	61,50	7,53
70tt	g	61,38	8,12	61,62	7,43

Khối lượng trứng của hai giống gà thử nghiệm được trình bày trong Bảng 5, kết quả cho thấy khối lượng trứng của giống Sasso và Tetra H khá cao, đạt trên 50g tại thời điểm tỷ lệ đẻ 5% và đạt trung bình trên 55 g tại thời điểm tỷ lệ đẻ đạt 50% (26-28 tuần tuổi). Đến 38 tuần tuổi và đến hết chu kỳ đẻ, khối lượng trứng của hai giống đều đạt trên 60gam/quả. Khi so sánh với trứng gà của một số giống gà bản địa ở Việt Nam, khối lượng trứng của hai giống gà nhập trong nghiên cứu này đạt kết quả cao hơn. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) cho biết trứng gà Ri Lạc Sơn có khối lượng 47,65 g/quả, trứng gà Ri là 50,27 g/quả (Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng, 2016), trứng gà Bang Trới đạt 48,43 g/quả (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2020). So sánh với khối lượng trứng của một số giống gà chuyên trứng tại nước ta cho thấy khối lượng hai giống gà kiêm dụng nhập nội tương đương với các giống gà nhập chuyên trứng như

Hisex Brown (60,89 - 61,22 g) (Nguyễn Thị Kim Khang và cs., 2016); gà Ai Cập lai Leghon (62,95 g) (Nguyễn Công Oánh và Cù Thị Thiên Thu, 2024).

Kết quả về tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của hai giống gà Sasso và Tetra H được trình bày trong Bảng 6. Kết quả cho thấy tỷ lệ đẻ tăng dần từ 21 tuần tuổi và đạt đỉnh tại tuần tuổi 30 với 89,64% và 82,17% tương ứng với giống Sasso và Tetra H. Giai đoạn từ tuần tối 35-38 rơi vào thời điểm nắng nóng cực đoạn của mùa hè. Mặc dù đã áp dụng các giải pháp chống nóng cho gà như sử dụng quạt và phun nước mái làm mát nhưng tỷ lệ đẻ cũng có xu hướng giảm tăng trở lại vào tuần tuổi 39. Gà Sasso duy trì tỷ lệ đẻ cao trên 80% đến tuần tuổi 46 trong khi đó giống Tetra H duy trì tỷ lệ đẻ trên 75% đến tuần tuổi 52. Đến thời điểm 72 tuần tuổi, tỷ lệ đẻ của hai giống Sasso và Tetra H đạt 65,74 và 52,66%.

Bảng 6. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà Sasso và Tetra H

Tuần tuổi	Sasso				Tetra H			
	Trứng/ mái/ 2 tuần	Trứng/ mái cộng dồn	Tỷ lệ đẻ	Tiêu tốn TA/10 trứng	Trứng/ mái/ 2 tuần	Trứng/ mái cộng dồn	Tỷ lệ đẻ	Tiêu tốn TA/10 trứng
21 - 22	0,45	0,45	3,21	49,27	0,00	0,00	0,00	
23 - 24	2,91	3,36	20,80	11,95	0,42	0,42	3,01	74,46
25 - 26	6,03	9,39	43,04	6,69	2,67	3,09	19,05	10,73
27 - 28	9,50	18,89	67,86	4,15	6,09	9,18	43,53	5,47
29 - 30	12,13	31,02	86,65	3,04	10,91	20,09	77,94	3,32
31 - 32	12,55	43,57	89,64	2,54	11,50	31,59	82,17	2,67
33 - 34	11,84	55,41	84,60	2,30	11,19	42,79	79,98	2,39
35 - 36	11,11	66,53	79,38	2,21	10,82	53,60	77,71	2,23
37 - 38	11,12	77,65	79,44	2,18	10,18	63,78	72,43	2,15
39 - 40	11,46	89,10	81,85	2,13	10,26	74,04	73,63	2,09
41 - 42	11,90	101,00	84,42	2,05	10,86	84,90	77,06	2,04
43 - 44	11,67	112,67	82,78	2,00	10,99	95,89	77,51	1,99
45 - 46	11,70	124,37	83,02	1,95	11,00	106,89	77,56	1,95
47 - 48	10,78	135,15	76,49	1,92	10,92	117,81	76,96	1,92
49 - 50	10,34	145,49	73,37	1,90	10,99	128,80	77,50	1,90
51 - 52	11,07	156,56	78,57	1,88	10,93	139,73	77,09	1,87
53 - 54	11,24	167,80	79,75	1,86	10,32	150,05	72,73	1,86
55 - 56	10,90	178,70	77,33	1,84	9,30	159,35	65,58	1,86
57 - 58	10,30	189,00	73,10	1,82	8,31	167,66	58,58	1,87
59 - 60	9,47	198,48	67,21	1,82	7,96	175,62	56,12	1,88
61 - 62	9,71	208,18	69,02	1,82	7,79	183,41	54,90	1,89
63 - 64	10,12	218,31	71,81	1,81	7,82	191,23	55,14	1,90
65 - 66	10,29	228,60	73,02	1,80	8,60	199,83	60,22	1,90
67 - 68	9,16	237,76	64,96	1,79	7,52	207,35	52,33	1,91
69 - 70	9,02	246,78	64,43	1,78	7,92	215,27	55,09	1,91
71 - 72	9,20	255,98	65,74	1,78	7,57	222,84	52,66	1,92

Năng suất trứng/mái tính đến 72 tuần tuổi của hai giống gà nhập đạt 255,98 quả và 222,84 quả cho gà Sasso và Tetra H. Khi đối chiếu với năng suất tiêu chuẩn được cung cấp bởi nhà sản xuất (gà Sasso: 255 quả; gà Tetra H: 230 quả tính đến 70 tuần tuổi), năng suất trứng của hai giống gà nhập nuôi tại điều kiện Việt Nam đạt trên 90% so với tiêu chuẩn giống. Điều này cho thấy hai

giống gà có khả năng thích nghi cao trong điều kiện chăn nuôi ở Việt Nam. Tiêu tốn thức ăn/10 trứng tính cộng dồn đến 72 tuần tuổi đạt 1,78 kg ở gà Sasso và 1,92 kg trên gà Tetra H. Mặc dù là giống kiêm dụng nhưng năng suất trứng của hai giống gà nhập đạt khá cao. Dương Thu Hương và cs. (2024) đã báo cáo năng suất trứng gà Vạn Linh cộng dồn đến 40 tuần tuổi đạt 66,93

quả với tiêu tốn thức ăn cho 10 trứng đạt 3,24 kg. Trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Duy và cs. (2020) trên giống gà Đông Tảo lai Lương Phượng cho thấy năng suất trứng của con lai F₁ tại 38 tuần tuổi đạt 107,18 quả/mái với mức tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 4,97 kg. Như vậy năng suất trứng của hai giống gà nhập Sasso và Tetra H cao hơn so với gà Vạn Linh và hiệu quả sử dụng thức ăn tốt hơn. So với giống gà Đông Tảo lai Lương Phượng, hai giống gà nhập Sasso và Tetra H có năng suất trứng thấp hơn nhưng hiệu quả sử dụng thức ăn lại tốt hơn thể hiện qua chỉ số tiêu tốn thức ăn/10 trứng thấp hơn. Tại 40 tuần tuổi năng suất trứng cộng dồn của gà Sasso đạt 89,10 quả với hệ số chuyển hóa thức ăn cộng dồn là 2,13 kg, gà Tetra H đạt tương ứng 74,04 và 2,09 kg thức ăn/10 trứng. Trong nghiên cứu khác trên một số giống gà nội, năng suất trứng của các giống gà nội thấp hơn so với hai giống gà nhập nội ở nghiên cứu này. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) đã biết, năng suất trứng/gà mái Bang Trới tính đến 74 tuần tuổi đạt 97,87 quả với tiêu tốn thức ăn ở mức khá cao 4,59 kg. Tương tự, gà Đông Tảo trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Duy và cs. (2020a) đạt năng suất trứng/mái tại 38 tuần tuổi là 59,33 quả tương

ứng với tiêu tốn thức ăn 4,95 kg. Bùi Thị Thơm (2017) đã báo cáo năng suất trứng của gà Cáy cúm đến 67 tuần tuổi đạt 104 - 115 quả/mái. Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2021b) đã đánh giá khả năng sinh sản của gà Lạc Sơn nuôi trong điều kiện có kiểm soát cho thấy năng suất trứng của của Lạc Sơn đến 72 tuần tuổi ở hai mức ăn khác nhau đạt 115,63 và 116,44 quả/mái với mức tiêu tốn thức ăn 3,70 - 3,72 kg/10 trứng. Như vậy có thể thấy, hai giống gà nhập nội có năng suất trứng và hiệu quả sử dụng thức ăn vượt trội so với các giống gà địa phương. Khi so sánh với giống gà Lương Phượng, một trong những giống gà kiêm dụng phổ biến tại Việt Nam thường được sử dụng làm nái nền để lai tạo con lai thương phẩm, năng suất trứng của hai giống gà nhập nội trong nghiên cứu này cho kết quả tốt hơn. Theo Wikipedia, gà Lương Phượng có năng suất trứng đến 66 tuần đẻ đạt 171 quả. Trong một nghiên cứu gần đây về đánh giá khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ thứ ba (lai giữa gà Lương Phượng và gà Lạc Thủy) của Nguyễn Thị Mười và cs. (2025) cho thấy năng suất trứng lúc 68 tuần tuổi đạt 144,39 quả với hệ số chuyển hóa thức ăn cho 10 trứng là 3,09 kg.

Bảng 7. Kết quả khảo sát trứng gà Sasso và Tetra H tại 38 tuần tuổi (n = 30)

Chỉ tiêu	Tetra H			Sasso		
	Mean	SD	CV	Mean	SD	CV
Khối lượng trứng (g)	61,57	4,66	7,57	62,66	4,47	7,13
Độ chịu lực (N)	37,60	7,18	19,10	35,88	7,06	19,67
KL lòng đỏ (g)	16,97	1,38	8,11	16,66	1,31	7,87
Màu lòng đỏ	12,47	0,86	6,90	13,56	0,72	5,28
KL lòng trắng (g)	38,20	3,75	9,80	39,63	3,82	9,65
Khối lượng vỏ (g)	6,40	0,72	11,31	6,38	0,61	9,55
Chỉ số hình dạng	1,28	0,04	3,34	1,30	0,03	2,45
Tỷ lệ lòng đỏ (%)	27,61	2,03	7,36	26,66	2,94	11,00
Chỉ số Haugh	88,69	8,49	9,58	90,65	8,19	9,04
Dày vỏ trung bình (mm)	0,36	0,07	0,21	0,35	0,02	0,07

Kết quả một số chỉ tiêu chất lượng trứng của gà thí nghiệm được trình bày ở Bảng 7. Trứng gà được khảo sát tại thời điểm 38 tuần tuổi. Khối lượng trứng trung bình tại thời điểm khảo sát đạt 61,57 và 62,66 g tương ứng trên gà Sasso và Tetra H. Tỷ lệ lòng đỏ đạt tương ứng 27,61 và 26,73; chỉ số Haugh đạt 88,69 và 90,65. Các giống gà bản địa tuy năng suất trứng thấp nhưng lại được ưa chuộng do trứng thơm ngon và tỷ lệ lòng đỏ cao. Trong một số nghiên cứu về chất lượng trứng của các giống gà nội cho thấy tỷ lệ lòng đỏ của gà Ri đạt 32,19 (Nguyễn Bá Mùi và cs., 2016); gà Bang Trới đạt 32,04 (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2020); gà Vạn Linh đạt 31,45 (Dương Thu Hương và cs., 2024) cao hơn so với trứng của hai giống gà nhập nội trong nghiên cứu này.

Kết luận và đề nghị

Kết luận

Hai giống gà kiêm dụng nhập nội Sasso và Tetra H có khả năng thích nghi cao trong điều kiện khí hậu ở Việt Nam với năng suất sinh trưởng, sinh sản cao. Khối lượng gà trống và gà mái giống Sasso tại thời điểm 8 tuần tuổi là 831,0 và 780,4 g; 20 tuần tuổi đạt 2017,4 g và 1690,9 g. Giống Tetra H đạt tương ứng 1007,8 và 944,6 g tại 8 tuần tuổi; 2154,5 g và 1877 g tại thời điểm 20 tuần tuổi. Năng suất trứng đến thời điểm 72 tuần tuổi của hai giống Sasso và Tetra H đạt 255,98 và 222,84 quả/mái tương ứng với tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng đạt lần lượt 1,78 và 1,92 kg. Mặc dù có năng suất trứng cao, khối lượng trứng lớn nhưng hai giống gà nhập Sasso và Tetra H có tỷ lệ lòng đỏ khá thấp đạt 27,61 và 26,66% tương ứng.

Đề nghị

Tiếp tục các nghiên cứu trên hai giống nhập Sasso và Tetra H trong các điều kiện chăn nuôi

khác nhau ở Việt Nam. Nghiên cứu các công thức lai giữa hai giống nhập Sasso và Tetra H với các giống gà bản địa nhằm tăng năng suất chăn nuôi.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Bộ Khoa học và Công nghệ. 2022. TCVN 13474 1:2022 - Quy trình khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.
- Cục Chăn nuôi. 2023. Tổng quan về ngành chăn nuôi gia cầm giai đoạn 2018-2023. Tạp chí chăn nuôi Việt Nam. <https://nhachannuoi.vn/tong-quan-ve-nganh-chan-nuoi-gia-cam-giai-doan-2018-2023>.
- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Văn Trung, Đặng Ngọc Nga và Phạm Công Thiệu. 2021a. Năng suất và chất lượng thịt của gà nhiều ngón thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, (129), tr. 38-48.
- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Văn Trung, Hoàng Lương và Phạm Công Thiệu. 2021b. Mức ăn thích hợp trong giai đoạn hậu bị nuôi gà Lạc Sơn sinh sản. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, (130), tr. 39-46.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Huy Đạt. Các chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Chí Thành và Vũ Đình Tôn. 2020a. Năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà mái đông táo và F₁ (Đông Táo × Lương Phượng). Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 18(4), tr. 255-261.
- Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Đình Tiến và Vũ Đình Tôn. 2020b. Khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà lai 3/4 đông táo và 1/4 lương phượng. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 18(10), tr. 879-887.
- Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Khánh Toàn, Phạm Văn Sơn và Nguyễn Hoàng Thịnh. 2024. Năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà Vạn Linh nuôi tại học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 22(5), tr. 625-630
- Nguyễn Thị Kim Khang, Sơn Ngọc Thái, Phạm Ngọc Du và Đỗ Võ Anh Khoa. 2016. Ảnh hưởng của bổ sung beta-glucan lên năng suất và chất lượng trứng gà đẻ thương phẩm Hisex Brown. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, tr. 120-124.

- Đỗ Võ Anh Khoa. 2013. Ảnh hưởng của khối lượng trứng và chỉ số hình dáng lên tỉ lệ ấp nở và thông số trứng gà tàu vàng. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, (26), tr. 12-18.
- Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng. 2016. Khả năng sản xuất của gà Ri và con lai (Ri - Sasso - Lương Phượng) nuôi tại An Dương, Hải Phòng. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 3(7), tr. 392-99.
- Nguyễn Thị Mười, Trần Quốc Hùng, Phạm Thị Thanh Bình và Nguyễn Thị Hải. 2025. Khả năng sản xuất của gà LLV thế hệ 3. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, (149), tr. 24-30.
- Nguyễn Công Oánh và Cù Thị Thiên Thu. 2024. Ảnh hưởng của một số dầu thực vật bổ sung trong khẩu phần ăn đến năng suất và chất lượng trứng của gà đẻ thương phẩm. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 22(1), tr. 37-45.
- Nguyễn Thị Phương, Hoàng Anh Tuấn, Vũ Thị Thúy Hằng và Bùi Thị Thơm. 2024. Khả năng sinh trưởng và chất lượng thịt của gà cày cùm thương phẩm. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 22(2), tr. 193-200.
- Phạm Văn Sơn, Ngô Thị Thu Hiền, Đặng Văn Dũng, Trần Trung Thông và Ngô Thị Kim Cúc. 2022. Đánh giá khả năng sản xuất của gà Móng nuôi thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi. (136), tr. 61-71.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Phương Giang và Bùi Hữu Đoàn. 2021. Năng suất sinh sản của gà Ri Lạc Sơn nuôi bán chăn thả. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi. 263, tr. 12-16
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Vinh, Phan Thanh Lâm, Mai Thị Thanh Nga và Bùi Hữu Đoàn. 2020. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang Trới. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 18(10), tr. 812-819.
- Bùi Thị Thơm. 2017. Khai thác và phát triển giống gà Cày Cùm tại Cao Bằng và Hà Giang. Báo cáo tổng kết đề tài
- Tổng cục thống kê. 2025.
- Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn và Nguyễn Thị Thúy My. 2015. Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy - Hòa Bình. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi - Thú y toàn quốc, Trường Đại học Cần Thơ. tr. 195-200.

Tiếng nước ngoài

- Hendrix Genetic. Sasso Brochure Asia. https://asia.sasso-poultry.com/documents/620/HG_SASSO_Brochure_Asia_EN_0724_WEB.pdf
- Hendrix Genetic. Traditional Poultry Breeder - SA_{51A}. https://asia.sasso-poultry.com/documents/2355/1224_HG_SASSO_Female_factsheet_SA51A_A4_FR_UK_ES_WEB.pdf
- Babolna Tetra. Dual Purpose hybrids management guide. <https://www.babolnatetra.com/en/products/tetra-h/>

ABSTRACT

Production potential of Sasso and Tetra H Chickens at the Bee and Waterfowl Research Center

The study was conducted to evaluate the productivity including growth performance and reproductive performance of two imported chicken breeds Sasso (France) and Tetra H (Hungary) raised at Lien Ninh Experimental Station, Bee and Waterfowl Research Center, Vietnam Institute of Animal and Veterinary Science. In the framework of the project: Asian Chicken Genetic Gain (AsCGG), this study aims to select and test dual-purpose chicken breeds with suitable characteristics to domestic consumer, high productivity and adaptability to farming conditions in Vietnam. The test was conducted on 400 chickens/breed, divided into 4 pens (100 chickens/pen) in period of 1-20 weeks old, after 20 weeks old, hens were select to keep in individula cage to evaluate the reproductive performance. The results showed that the two imported dual-purpose chicken breeds have high adaptability to Vietnam conditions, demonstrated by the high survival rate, reaching 98.22 and 97.58% in the 0-8 weeks period. The weight of Sasso breed roosters and hens at 8 weeks of age was 831.0 and 780.4g, respectively; 2017.4 g and 1690.9 g at 20 weeks old; Tetra H breed reached 1007.8 and 944.6 g at 8 weeks of age, respectively; and 2154.5 g and 1877 g at 20 weeks of age, respectively. Sasso breeds reached 5% laying rate at 22 weeks of age while Tetra H breeds reached it at 24 weeks of age. Egg production at 72 weeks of age of Sasso and Tetra H breeds reached 255.98 and 222.84 eggs/hen, corresponding to feed conversion ratios for 10 eggs of 1.78 and 1.92 kg, respectively. The results showed that the two imported chicken breeds had high productivity, were adapted in Vietnamese conditions, and have the potential to be used in poultry genetic improvement programs in Vietnam.

Keywords: *Tetra H, Sasso, growth performance, reproductive performance*

Người phản biện: TS. Hồ Lam Sơn